

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 167/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 28/10/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Minh Quang – Thư ký viên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bách Thiện Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2025/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2025/QĐ-PT ngày 10/10/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; căn cước công dân số 0011xxxx cấp ngày xx/xx/20xx - Địa chỉ: Số xx, ngõ xx, xóm xx, xã M, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 03xxxxxxxx.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 19xx; căn cước công dân số 0010xxxxxxxx cấp ngày xx/xx/20xx - Địa chỉ: Số xx, ngõ xx, xóm xx, xã M, Thành phố Hà Nội; điện thoại: 08xxxxxx.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày xx/xx/20xx, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian dài và đã có 02 con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị T và anh H không còn tình cảm, anh H có mối quan hệ khác, nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh H

còn hay xúc phạm và hành hạ chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2024. Nay chị T và anh H không còn tình cảm và không còn quan hệ gì với nhau nữa, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày xx/xx/20xx và Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/20xx. Hiện các con chung đang ở với anh H. Ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2. Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H trình bày: Giữa anh và chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có lần đi chơi anh gọi về nhưng chị T không về và bỏ đi khỏi nhà; sau đó thì chị T và gia đình có đến gia đình anh xin quay về nhưng anh không đồng ý; nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý vì không còn tình cảm gì với chị. Về con chung, anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày; ly hôn, anh H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 18/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai đã căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, xử:

- Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày xx/xx/20xx và Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/20xx. Hiện nay các cháu đang ở với anh H.

Giao cháu Nguyễn Văn K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác. Hai bên không phải trợ cấp nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Đối trừ chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0021213 ngày 10/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H kháng cáo Bản án sơ thẩm về phần nuôi con, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con chung.

Anh H giao nộp Hợp đồng lao động, Giấy xác nhận thu nhập, bản khai thể hiện nội dung anh H có mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh H có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo chăm sóc cho các con.

Chị T giao nộp Giấy xác nhận lương, Văn bản cam kết của bố mẹ chị T cho chị T ở ổn định trên nhà đất của ông bà cho đến khi chị T có nhu cầu thay đổi chỗ ở, sở phụ thể hiện chị T đóng tiền học cho con. Chị T đề nghị giữ nguyên việc nuôi con theo Bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giao nộp đơn trình bày nguyện vọng của con chung. Chị T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh H, chị T đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm về việc nuôi con.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Người kháng cáo là bị đơn, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị T, anh H đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị T và anh H mỗi người nuôi một con chung là phù hợp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên Bản án số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai được nộp trong thời hạn, nội dung đơn, người kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; nên kháng cáo là hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của anh H:

Anh H kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày xx/xx/20xx và Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/20xx.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Sau khi ly hôn, anh H sống trên nhà đất vợ chồng trước đây cùng chung sống, đất đứng tên mẹ anh H, anh H làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư

QuinHouse, thời hạn hợp đồng 1 năm, thu nhập 3 tháng gần nhất từ 14 đến 15 triệu đồng/tháng; chị T sống trên nhà đất của bố mẹ đẻ, bố mẹ chị T có văn bản cam kết cho chị T sinh sống ổn định trên nhà đất này, chị T làm may thu nhập 7 tháng gần nhất từ 15 đến 16 triệu đồng/tháng. Như vậy, chị T, anh H đều có yêu cầu và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ly hôn, nơi ở của chị T cùng xóm với nơi ở của anh H, nên việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng đều không bị xáo trộn về Trường học hiện tại của các cháu. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị T, anh H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là phù hợp. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số 0000944 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2025/HNGĐ-ST ngày 18/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Chị T và anh H có hai con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày xx/xx/20xx và Nguyễn Thị Th, sinh ngày xx/xx/20xx.

Giao cháu Nguyễn Văn K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác. Hai bên không phải trợ cấp nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0021213 ngày 10/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số 0000944 ngày 17/7/2025, anh H đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Lanh